

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

Địa chỉ: Lô II-1, II-2, II-3 khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc, Đồng Tháp

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Bảng cân đối kế toán riêng | 1 - 2 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 3 - 4 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 5 - 6 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 7 - 31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
|------------|--|-------------|---------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 2.794.363.271.019 | 2.651.425.357.486 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 129.083.509.877 | 52.085.626.815 |
| 111 | 1. Tiền | | 129.083.509.877 | 52.085.626.815 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | 32.000.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | 32.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 1.833.393.135.876 | 1.687.036.083.286 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 1.168.717.016.209 | 1.014.950.294.895 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 617.162.080.245 | 659.337.205.577 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 58.986.880.336 | 20.492.787.196 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 5 | (11.472.840.914) | (7.744.204.382) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 8 | 817.067.625.022 | 869.838.190.902 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 817.067.625.022 | 869.838.190.902 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 14.819.000.244 | 10.465.456.483 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 9 | 2.097.873.853 | 2.293.345.119 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | - | 4.890.230.144 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước | | 12.721.126.391 | 3.281.881.220 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 770.327.927.768 | 313.247.566.940 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 178.693.629.449 | 186.143.897.850 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 177.723.990.294 | 185.074.864.528 |
| 222 | Nguyên giá | | 383.581.277.425 | 373.967.756.366 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (205.857.287.131) | (188.892.891.838) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 969.639.155 | 1.069.033.322 |
| 228 | Nguyên giá | | 2.227.478.775 | 2.227.478.775 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.257.839.620) | (1.158.445.453) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | 311.654.114.658 | 95.882.171.177 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 12 | 311.654.114.658 | 95.882.171.177 |
| 250 | III. Đầu tư tài chính dài hạn | | 250.000.000.000 | - |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | 13 | 250.000.000.000 | - |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 29.980.183.661 | 31.221.497.913 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | 23.436.642.197 | 20.106.177.845 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | 6.543.541.464 | 11.115.320.068 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 3.564.691.198.787 | 2.964.672.924.426 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
|------------|---|-------------|---------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 2.406.164.878.357 | 1.906.157.784.100 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 2.098.492.628.659 | 1.889.789.383.082 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 14 | 182.336.410.649 | 118.045.669.205 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 5.666.587.026 | 1.165.944.683 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 161.013.483 | 6.456.311.296 |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 8.164.453.976 | 4.149.249.762 |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 143.949.369.425 | 43.325.960.061 |
| 320 | 6. Vay ngắn hạn | 18 | 1.744.976.244.818 | 1.702.850.798.793 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 19 | 13.238.549.282 | 13.795.449.282 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 307.672.249.698 | 16.368.401.018 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | | 2.110.359.518 | 2.115.159.518 |
| 338 | 2. Vay dài hạn | 20 | 305.561.890.180 | 14.253.241.500 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.158.526.320.430 | 1.058.515.140.326 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 21.1 | 1.158.526.320.430 | 1.058.515.140.326 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 418.127.810.000 | 418.127.810.000 |
| 411a | - Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết | | 418.127.810.000 | 418.127.810.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 203.825.180.000 | 203.825.180.000 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 139.644.123.910 | 139.644.123.910 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 396.929.206.520 | 296.918.026.416 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 338.730.807.416 | 187.290.096.068 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | | 58.198.399.104 | 109.627.930.348 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 3.564.691.198.787 | 2.964.672.924.426 |

Nguyễn Ngọc Thắm

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Nguyễn Công Bằng

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 1 năm 2016 | Quý 1 năm 2015 | Lũy kế từ ngày 01 tháng 10 đến cuối quý này | |
|-------|---|-------------|-------------------|---------------------|---|---------------------|
| | | | | | Năm nay | Năm trước |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng | 22.1 | 1.026.417.864.525 | 1.184.730.206.078 | 2.421.734.897.114 | 2.667.769.217.857 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 22.1 | (23.602.622.498) | (22.458.710.501) | (53.380.023.629) | (50.808.729.445) |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng | 22.1 | 1.002.815.242.027 | 1.162.271.495.577 | 2.368.354.873.485 | 2.616.960.488.412 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 23 | (936.553.336.120) | (1.116.581.107.896) | (2.212.810.126.319) | (2.514.118.901.587) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng | | 66.261.905.907 | 45.690.387.681 | 155.544.747.166 | 102.841.586.825 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 22.2 | 309.377.478 | 936.639.817 | 1.242.442.830 | 2.304.543.594 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 24 | (27.506.866.083) | (4.440.263.298) | (53.025.502.659) | (11.682.463.282) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (27.272.098.381) | (3.999.481.330) | (52.758.686.612) | (10.850.843.055) |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 25 | (8.130.444.787) | (5.902.804.648) | (16.682.416.959) | (14.100.648.341) |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | (11.979.575.478) | (5.880.117.853) | (20.319.349.908) | (14.464.462.116) |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 18.954.397.037 | 30.403.841.699 | 66.759.920.470 | 64.898.556.680 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 27 | 486.601.588 | 483.840.910 | 1.818.558.105 | 1.728.716.245 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 27 | (38.332.351) | (39.630.001) | (98.038.329) | (53.379.296) |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | 27 | 448.269.237 | 444.210.909 | 1.720.519.776 | 1.675.336.949 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 19.402.666.274 | 30.848.052.608 | 68.480.440.246 | 66.573.893.629 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 4.849.816.742 | 563.846.840 | (5.710.262.538) | (8.285.682.242) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý 1 năm 2016 | Quý 1 năm 2015 | Lũy kế từ ngày 01 tháng 10 đến cuối quý này | |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|---|----------------|
| | | | | | Năm nay | Năm trước |
| 52 | 16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại | | (7.333.547.803) | (7.529.024.536) | (4.571.778.604) | 554.825.636 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 16.918.935.213 | 23.882.874.912 | 58.198.399.104 | 58.843.037.023 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 21.5 | 392 | 554 | 1.350 | 1.365 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 21.5 | 392 | 554 | 1.350 | 1.365 |



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
|-------|---|-------------|--|--|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | | 68.480.440.246 | 66.573.893.629 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn | 10, 11 | 17.063.789.460 | 16.879.479.050 |
| 03 | Dự phòng | | 3.728.636.532 | 2.191.093.592 |
| 04 | Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 24 | 23.364.000 | 16.353.911 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 22.2 | (585.233.334) | (2.177.699.494) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 24 | 52.758.686.612 | 10.850.843.055 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 141.469.683.516 | 94.333.963.743 |
| 09 | Tăng, giảm các khoản phải thu | | (154.664.704.149) | 66.924.284.387 |
| 10 | Tăng, giảm hàng tồn kho | | 52.770.565.880 | (43.117.455.004) |
| 11 | Tăng, giảm các khoản phải trả | | 281.564.786.390 | 104.766.876.979 |
| 12 | Tăng, giảm chi phí trả trước | | (3.134.993.086) | (13.423.921.647) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (48.441.899.808) | (9.672.972.108) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | 15 | (16.928.425.298) | (19.343.866.658) |
| 16 | Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh | | 30.000.000 | - |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (556.900.000) | (4.537.050.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh | | 252.108.113.445 | 175.929.859.692 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | | (291.129.558.422) | (90.253.868.880) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | - | 1.370.909.091 |
| 23 | Tiền gửi có kỳ hạn | | - | (32.000.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | | 32.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư vào công ty con | 13 | (250.000.000.000) | - |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi | 22.2 | 585.233.334 | 1.519.944.445 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư | | (508.544.325.088) | (69.363.015.344) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 2.138.611.822.334 | 862.066.384.966 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (1.805.177.727.629) | (945.667.208.185) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính | | 333.434.094.705 | (83.600.823.219) |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
|-------|---|-------------|--|--|
| 50 | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ | | 76.997.883.062 | 22.966.021.129 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 52.085.626.815 | 63.279.972.826 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | (16.353.911) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 129.083.509.877 | 86.229.640.044 |

Nguyễn Ngọc Thám
Người lập biểu

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; Nuôi trồng thủy sản; Chăn nuôi lợn, bán buôn động vật sống.

Công ty có trụ sở chính tại lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 663 (ngày 30 tháng 9 năm 2015: 658).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính kỳ này.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải | 5 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| Phần mềm máy tính | 4 năm |
| Bản quyền phần mềm | 5 năm |

3.7 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MVT Khu công nghiệp HIDICO vào ngày 22 tháng 11 năm 2006 và Công ty Cổ phần Docimexco vào ngày 1 tháng 12 năm 2014 trong thời hạn lần lượt là 45 năm và 40 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm

chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VNĐ | |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Tiền mặt | 1.493.250.969 | 495.561.595 |
| Tiền gửi ngân hàng | 127.590.258.908 | 51.590.065.220 |
| TỔNG CỘNG | 129.083.509.877 | 52.085.626.815 |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | VNĐ | |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Phải thu từ các bên khác | 832.065.758.190 | 527.086.525.267 |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 336.651.258.019 | 487.863.769.628 |
| TỔNG CỘNG | 1.168.717.016.209 | 1.014.950.294.895 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (11.472.840.914) | (7.744.204.382) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 1.157.244.175.295 | 1.007.206.090.513 |

Như được trình bày trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

| | VNĐ | |
|-----------------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Số đầu kỳ | (7.744.204.382) | (5.303.908.864) |
| Dự phòng trích lập trong kỳ | (3.728.636.532) | (2.191.093.592) |
| Số cuối kỳ | (11.472.840.914) | (7.495.002.456) |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VNĐ | |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Trả trước cho các bên khác | 649.627.310.659 | 634.766.533.209 |
| Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | - | 24.570.672.368 |
| TỔNG CỘNG | 649.627.310.659 | 659.337.205.577 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | VNĐ | |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 57.458.775.797 | 17.781.140.583 |
| Phải thu các bên khác | 1.528.104.539 | 2.711.646.613 |
| TỔNG CỘNG | <u>58.986.880.336</u> | <u>20.492.787.196</u> |

8. HÀNG TỒN KHO

| | VNĐ | |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 746.563.829.385 | 789.805.788.576 |
| Thành phẩm | 43.285.013.446 | 54.093.601.278 |
| Hàng mua đang đi trên đường | 22.557.063.269 | 25.938.801.048 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 4.661.718.922 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>817.067.625.022</u> | <u>869.838.190.902</u> |

Như được trình bày trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | VNĐ | |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Ngắn hạn | 2.097.873.853 | 2.293.345.119 |
| Công cụ, dụng cụ | 548.991.666 | 1.051.534.124 |
| Sửa chữa nhà kho | 130.773.830 | 523.095.332 |
| Khác | 1.418.108.357 | 718.715.663 |
| Dài hạn | 23.436.642.197 | 20.106.177.845 |
| Tiền thuê đất trả trước (*) | 20.611.663.583 | 17.178.702.667 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.299.978.614 | 2.927.475.178 |
| Thuê trại heo | 525.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>25.534.516.050</u> | <u>22.399.522.964</u> |

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại nhà máy Sa Đéc với giá trị còn lại là 6.516.164.241 VNĐ để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | VNĐ | | | | |
|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|
| | <i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i> | <i>Máy móc và thiết bị</i> | <i>Phương tiện vận tải</i> | <i>Thiết bị văn phòng</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Nguyên giá: | | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 09 năm 2015 | 92.824.332.177 | 236.807.507.776 | 40.968.362.957 | 3.367.553.456 | 373.967.756.366 |
| Mua mới | 3.901.456.959 | 3.720.364.100 | 1.991.700.000 | - | 9.613.521.059 |
| Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 | 96.725.789.136 | 240.527.871.876 | 42.960.062.957 | 3.367.553.456 | 383.581.277.425 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết</i> | 4.594.378.411 | 20.990.606.488 | 1.925.003.890 | 692.743.693 | 28.202.732.482 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 | 37.053.026.570 | 133.303.421.541 | 15.889.616.906 | 2.646.826.821 | 188.892.891.838 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.993.910.738 | 11.489.539.642 | 2.319.656.903 | 161.288.010 | 16.964.395.293 |
| Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 | 40.046.937.308 | 144.792.961.183 | 18.209.273.809 | 2.808.114.831 | 205.857.287.131 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 | 55.771.305.607 | 103.504.086.235 | 25.078.746.051 | 720.726.635 | 185.074.864.528 |
| Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 | 56.678.851.828 | 95.734.910.693 | 24.750.789.148 | 559.438.625 | 177.723.990.294 |

Như đã trình bày Thuyết minh số 18, Công ty đã sử dụng tài sản để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | VNĐ | | | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | Quyền sử dụng đất | Bản quyền phần mềm | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
| Nguyên giá: | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 03 năm 2016 | 954.750.000 | 926.532.000 | 346.196.775 | 2.227.478.775 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Đã phân bổ hết</i> | - | 390.522.000 | 346.196.775 | 736.718.775 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 | - | 822.307.843 | 336.137.610 | 1.158.445.453 |
| Hao mòn trong kỳ | - | 89.335.002 | 10.059.165 | 99.394.167 |
| Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 | - | 911.642.845 | 346.196.775 | 1.257.839.620 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 | 954.750.000 | 104.224.157 | 10.059.165 | 1.069.033.322 |
| Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 | 954.750.000 | 14.889.155 | - | 969.639.155 |

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | VNĐ | |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Dây chuyền sản xuất thức ăn | 224.949.278.817 | 57.230.552.474 |
| Xây dựng nhà máy | 86.677.563.114 | 38.624.345.976 |
| Khác | 27.272.727 | 27.272.727 |
| TỔNG CỘNG | 311.654.114.658 | 95.882.171.177 |

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa là 3.429.379.862 VNĐ.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | VNĐ | |
|------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Đầu tư vào Công ty con | 250.000.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 250.000.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

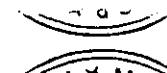
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư trực tiếp vào Công ty con như sau:

| Tên Công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Tình trạng hoạt động | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá trị VNĐ |
|---|--|---------------------------|------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An | Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản | Đầu tư xây dựng cơ bản | 100,00 | 200.000.000.000 |
| Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang | Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. | Đầu tư xây dựng cơ bản | 100,00 | 50.000.000.000 |
| Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định | Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản | Chưa góp vốn theo Điều lệ | - | - |
| Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định | Chăn nuôi lợn; Bán buôn động vật sống; Mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. | Chưa góp vốn theo Điều lệ | - | - |
| TỔNG CỘNG | | | | <u>250.000.000.000</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VNĐ | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Phải trả cho các bên khác | 166.896.952.629 | 101.988.371.205 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 15.439.458.020 | 16.057.298.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>182.336.410.649</u> | <u>118.045.669.205</u> |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VNĐ | | | |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 |
| Thuế GTGT hàng nội địa | - | 16.256.364 | - | 16.256.364 |
| Thuế TNDN | 6.368.346.018 | 5.710.262.538 | 16.928.425.298 | (4.849.816.742) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 84.365.278 | 1.551.690.951 | 1.495.019.110 | 141.037.119 |
| Khác | 3.600.000 | 25.960.000 | 25.840.000 | 3.720.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>6.456.311.296</u> | <u>7.304.169.853</u> | <u>18.449.284.408</u> | <u>(4.688.803.259)</u> |

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VNĐ | |
|------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Chi phí lãi vay | 7.450.424.861 | 3.133.638.057 |
| Chi phí hoa hồng | 324.679.115 | 357.168.532 |
| Khác | 389.350.000 | 658.443.173 |
| TỔNG CỘNG | <u>8.164.453.976</u> | <u>4.149.249.762</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VNĐ | |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Cổ tức phải trả | 56.999.050 | 41.869.780.050 |
| Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế | 791.871.319 | 688.625.000 |
| Phải trả khác | 143.100.499.056 | 767.555.011 |
| TỔNG CỘNG | <u>143.949.369.425</u> | <u>43.325.960.061</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i> | <i>141.977.080.880</i> | <i>37.748.271.000</i> |
| <i>Phải trả cho các bên khác</i> | <i>1.972.288.545</i> | <i>5.577.689.061</i> |

18. VAY NGẮN HẠN

| | VNĐ | |
|---------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Vay ngắn hạn từ ngân hàng | <u>1.744.976.244.818</u> | <u>1.702.850.798.793</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| <i>Ngân hàng</i> | <i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016 VNĐ</i> | <i>Ngày đáo hạn</i> | <i>Lãi suất (%/năm)</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i> |
|--|--|--|-----------------------------|---|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 1.102.843.686.291 | Từ ngày 08 tháng 4 năm 2016 đến 30 tháng 9 năm 2016 | 5,50 | Nhà máy sản xuất thức ăn Lai Vung tại Lô A & B khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Đồng Tháp |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An | 268.933.552.946 | Từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 đến 30 tháng 9 năm 2016 | 5,50 | Nhà máy sản xuất thức ăn và quyền sử dụng đất tại các Lô II-1, II-2 và II-3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp |
| Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp, phòng giao dịch Sa Đéc | 77.718.944.010 | Từ ngày 09 tháng 3 năm 2016 đến 24 tháng 9 năm 2016 | 6,50 | Khoản phải thu bình quân trị giá tối thiểu 100.000.000.000 đồng |
| Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 109.357.681.381 | Từ ngày 20 tháng 4 năm 2016 đến ngày 29 tháng 7 năm 2016 | Từ 5,50 đến 6,20 | Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với 5.000.000 đô la Mỹ |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang | 186.122.380.190 | Từ ngày 6 tháng 1 năm 2016 đến ngày 17 tháng 6 năm 2016 | Từ 5,50 đến 5,80 | Các khoản phải thu ngoại trừ khoản phải thu bên liên quan với tổng giá trị tương đương với 80.000.000.000VNĐ |
| TỔNG CỘNG | <u>1.744.976.244.818</u> | | | |

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

19. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

| | VNĐ | |
|----------------------|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015</i> |
| Số dư đầu kỳ | 13.795.449.282 | 8.337.540.971 |
| Tăng trong kỳ | - | 5.895.303.710 |
| Sử dụng trong kỳ | (556.900.000) | (234.500.000) |
| Số dư cuối kỳ | 13.238.549.282 | 13.998.344.681 |

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | VNĐ | |
|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i> | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i> |
| Vay dài hạn từ ngân hàng | 107.448.695.580 | 14.253.241.500 |
| Trái phiếu phát hành | 198.113.194.600 | - |
| Số dư cuối kỳ | 305.561.890.180 | 14.253.241.500 |

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|--|---------------------------|--------------------------|------------------|---|
| | VNĐ | | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 107.448.695.580 | Ngày 24 tháng 9 năm 2020 | 9,00 | Tất cả máy móc thiết bị, nhà xưởng và văn phòng tại nhà máy Lai Vung hình thành từ vốn tự có và vốn vay với giá trị là 376.625.000.000 VNĐ. |

Khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích đầu tư mở rộng nhà máy Lai Vung tại Lô A&B, khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản Trái phiếu phát hành được trình bày như sau:

| <i>Ngân hàng</i> | <i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016 VNĐ</i> | <i>Kỳ hạn</i> | <i>Lãi suất (%/năm)</i> | <i>Hình thức đảm bảo</i> |
|---|--|--|-----------------------------|---|
| Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh An Giang | 198.113.194.600 | Trái phiếu kỳ hạn 5 năm, nợ gốc được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn, lãi được thanh toán 6 tháng một lần. Đáo hạn vào ngày 18 tháng 12 năm 2020 | 7,50 | Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, nhà xưởng, máy móc, thiết bị Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An. |

Khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và đầu tư vào xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc tại Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

| | VNĐ | | | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
| Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 | | | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 | 418.127.810.000 | 203.825.180.000 | 52.115.592.139 | 56.693.173.703 | 233.501.376.735 | 964.263.132.577 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 58.843.037.023 | 58.843.037.023 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | 30.835.358.068 | - | (30.835.358.068) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (4.625.303.710) | (4.625.303.710) |
| Cổ tức công bố | - | - | - | - | (41.812.781.000) | (41.812.781.000) |
| Tăng (giảm) khác | - | - | 56.693.173.703 | (56.693.173.703) | (3.898.000.000) | (3.898.000.000) |
| Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 | 418.127.810.000 | 203.825.180.000 | 139.644.123.910 | - | 211.172.970.980 | 972.770.084.890 |
| Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | | | | | | |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 | 418.127.810.000 | 203.825.180.000 | 139.644.123.910 | - | 296.918.026.416 | 1.058.515.140.326 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 58.198.399.104 | 58.198.399.104 |
| Kết chuyển cổ tức đã công bố | - | - | - | - | 41.812.781.000 | 41.812.781.000 |
| Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 | 418.127.810.000 | 203.825.180.000 | 139.644.123.910 | - | 396.929.206.520 | 1.158.526.320.430 |

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2016, Đại hội Đồng cổ đông đã phê duyệt Nghị quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng thay cho phương án phân phối lợi nhuận. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông là 150% vốn điều lệ. Được sử dụng lợi nhuận 9 tháng năm 2015, lãi lũy kế năm trước chuyển sang, thặng dư cổ phần và quỹ đầu tư phát triển đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 | |
|----------------------------|---------------------------|---------------|--------------------------|---------------|
| | Vốn cổ phần VNĐ | % sở hữu | Vốn cổ phần VNĐ | % sở hữu |
| Công ty Cổ phần Hùng Vương | 377.915.210.000 | 90,38 | 377.915.210.000 | 90,38 |
| Các cổ đông khác | 40.212.600.000 | 9,62 | 40.212.600.000 | 9,62 |
| TỔNG CỘNG | 418.127.810.000 | 100.00 | 418.127.810.000 | 100.00 |

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | VNĐ | |
|--|---|---|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Vốn cổ phần đã góp | | |
| Ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 03 năm 2016 | <u>418.127.810.000</u> | <u>418.127.810.000</u> |
| Cổ tức công bố | - | 41.812.781.000 |

21.4 Cổ phiếu

| | Số lượng cổ phiếu | |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 41.812.781 | 41.812.781 |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 41.812.781 | 41.812.781 |
| Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 41.812.781 | 41.812.781 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Lãi trên cổ phiếu

| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
|---|--|--|
| Lợi nhuận thuần trong kỳ (VNĐ) | 58.198.399.104 | 58.843.037.023 |
| Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | <u>1.745.951.973</u> | <u>1.765.291.111</u> |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ) | 56.452.447.131 | 57.077.745.912 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 41.812.781 | 41.812.781 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu) | 1.350 | 1.365 |

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHCEĐ của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18 tháng 3 năm 2015.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng

| | VNĐ | |
|---|--|--|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Tổng doanh thu | 2.421.734.897.114 | 2.667.769.217.857 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản | 2.296.137.960.645 | 2.561.251.442.261 |
| Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc | 110.288.776.469 | 101.982.075.596 |
| Doanh thu bán nguyên liệu | 15.308.160.000 | 4.535.700.000 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (53.380.023.629) | (50.808.729.445) |
| Chiết khấu thương mại | <u>(53.380.023.629)</u> | <u>(50.808.729.445)</u> |
| DOANH THU THUẦN | 2.368.354.873.485 | 2.616.960.488.412 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản | 2.247.656.826.434 | 2.512.533.874.322 |
| Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc | 105.389.887.051 | 99.890.914.090 |
| Doanh thu bán nguyên liệu | 15.308.160.000 | 4.535.700.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VNĐ | |
|------------------------------------|---|--|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 585.233.334 | 1.519.944.445 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 184.343.440 | 306.812.028 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 472.866.056 | 356.859.379 |
| Khác | - | 120.927.742 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.242.442.830</u> | <u>2.304.543.594</u> |

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | VNĐ | |
|--------------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Giá vốn thức ăn thủy sản | 2.097.233.040.424 | 2.413.843.097.284 |
| Giá vốn thức ăn gia súc | 100.399.818.145 | 96.009.570.639 |
| Giá vốn nguyên liệu | 15.177.267.750 | 4.266.233.664 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.212.810.126.319</u> | <u>2.514.118.901.587</u> |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VNĐ | |
|-------------------------------------|--|---|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Lãi tiền vay | 52.758.686.612 | 10.850.843.055 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 40.257.447 | 444.764.064 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 23.364.000 | 386.856.163 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 203.194.600 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>53.025.502.659</u> | <u>11.682.463.282</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | VNĐ | |
|---|--|--|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Chi phí nhân công | 7.129.001.168 | 5.180.393.104 |
| Chi phí vật liệu bán hàng | 1.031.129.746 | 494.270.637 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 21.750.000 | 16.450.000 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 308.667.621 | 282.786.473 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.946.964.886 | 6.091.505.348 |
| Chi phí khác | 4.244.903.538 | 2.035.242.779 |
| TỔNG CỘNG | 16.682.416.959 | 14.100.648.341 |

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VNĐ | |
|---|--|--|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Chi phí nhân công | 8.222.418.278 | 5.596.341.868 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 148.164.942 | 127.644.429 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 368.952.236 | 168.499.503 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 1.010.239.619 | 828.226.079 |
| Chi phí dự phòng | 3.728.636.532 | 2.191.093.592 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.371.471.003 | 3.037.304.121 |
| Chi phí khác | 3.469.467.298 | 2.515.352.524 |
| TỔNG CỘNG | 20.319.349.908 | 14.464.462.116 |

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | VNĐ | |
|--------------------------|--|--|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Thu nhập khác | 1.818.558.105 | 1.728.716.245 |
| Thu nhập từ bán phế liệu | 1.071.095.910 | 1.054.403.638 |
| Thu nhập khác | 747.462.195 | 674.312.607 |
| Chi phí khác | 98.038.329 | 53.379.296 |
| Chi phí khác | 98.038.329 | 53.379.296 |
| LỢI NHUẬN KHÁC | 1.720.519.776 | 1.675.336.949 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VNĐ | |
|---|---|---|
| | <i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016</i> | <i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015</i> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.122.478.351.529 | 2.435.899.929.022 |
| Chi phí nhân công | 46.779.514.708 | 38.597.557.112 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 16.990.529.460 | 16.842.849.050 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 25.978.013.518 | 29.394.002.181 |
| Chi phí khác | 13.836.704.235 | 9.469.571.782 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.226.063.113.450</u> | <u>2.530.203.909.147</u> |

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | VNĐ |
|--|--------------------|---------------------------|-----------------|
| | | | <i>Số tiền</i> |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang | Bên liên quan | Bán thức ăn thủy sản | 317.641.065.600 |
| Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến | Bên liên quan | Mua nguyên vật liệu | 115.056.952.737 |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương Vĩnh Long | Bên liên quan | Bán nguyên vật liệu | 6.377.580.000 |
| Công ty Cổ phần Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây | Bên liên quan | Bán thức ăn thủy sản | 19.466.307.500 |
| Công ty TNHH Cao Trí | Bên liên quan | Mua nguyên vật liệu | 98.073.789.172 |
| | | Bán thức ăn thủy sản | 55.359.905.854 |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam | Bên liên quan | Chi phí gia công | 11.101.464.000 |
| | | Bán nguyên vật liệu | 8.930.580.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

| | VNĐ | |
|--------------------------------|---|---|
| | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 |
| Lương và các chi phí liên quan | <u>3.250.451.149</u> | <u>2.030.401.149</u> |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | VNĐ | |
|--|---------------|----------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | | | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | Ngày 30 tháng 9 năm 2015 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | | | |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang | Bên liên quan | Bán thức ăn thủy sản | 266.626.994.688 | 405.804.320.688 |
| Công ty TNHH Cao Trí | Bên liên quan | Bán thức ăn thủy sản | 68.576.833.831 | 37.036.641.613 |
| Công ty Cổ phần Hùng Vương | Công ty mẹ | Bán thức ăn thủy sản | - | 10.349.845.327 |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam | Bên liên quan | Bán nguyên vật liệu | 430.580.000 | 23.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nuôi Trồng Thủy Sản Hùng Vương Miền Tây | Bên liên quan | Bán thức ăn thủy sản | 351.769.500 | 5.885.462.000 |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy Sản Hùng Vương Vĩnh Long | Bên liên quan | Bán nguyên liệu | 665.080.000 | 5.287.500.000 |
| | | | <u>336.651.258.019</u> | <u>487.863.769.628</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VNĐ</i> | |
|---|--------------------|----------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| | | | <i>Ngày 31 tháng 03 năm 2016</i> | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Hùng Vương | Công ty mẹ | Thanh toán hộ | 17.781.140.583 | 17.781.140.583 |
| Công ty TNHH Giồng – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định | Công ty con | Thanh toán hộ | 8.646.129.334 | - |
| Công ty TNHH Giồng – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định | Công ty con | Tạm ứng hoạt động | 5.900.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng Bình Định | Công ty con | Thanh toán hộ | 23.819.101.080 | - |
| Công ty CP Chế biến Thức ăn TS Hùng Vương Vĩnh Long | Bên liên quan | Cho mượn nguyên vật liệu | 1.312.404.800 | - |
| | | | <u>57.458.775.797</u> | <u>17.781.140.583</u> |
| <i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i> | | | | |
| Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến | Bên liên quan | Mua nguyên vật liệu | - | 21.600.000.000 |
| Công ty TNHH Cao Trí | Bên liên quan | Mua nguyên vật liệu | - | 2.970.672.368 |
| | | | <u>-</u> | <u>24.570.672.368</u> |
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam | Bên liên quan | Chi phí gia công | - | (15.921.423.000) |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc | Bên liên quan | Mua nguyên vật liệu | - | (135.875.000) |
| Công ty TNHH Cao Trí | Bên liên quan | Mua nguyên vật liệu | (10.628.861.700) | - |
| Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến | Bên liên quan | Mua nguyên vật liệu | (4.810.596.320) | - |
| | | | <u>(15.439.458.020)</u> | <u>(16.057.298.000)</u> |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Hùng Vương | Công ty mẹ | Cổ tức phải trả | - | (37.748.271.000) |
| Công ty TNHH Giồng – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang | Công ty con | Phải trả tạm ứng hoạt động | (35.000.000.000) | - |
| Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng Long An | Công ty con | Phải trả tạm ứng hoạt động | (106.977.080.880) | - |
| | | | <u>(141.977.080.880)</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT THẮNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

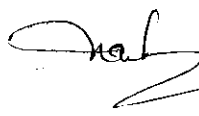
Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐQT và 02/2016/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 1 năm 2016, về việc góp 100% vốn thành lập thêm hai công ty con, Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định và Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định. Theo đó, Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4101456396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 7 tháng 1 năm 2016 và Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4101456389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 7 tháng 1 năm 2016.

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2016, Đại hội Đồng cổ đông đã phê duyệt Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng thay cho phương án phân phối lợi nhuận. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông là 150% vốn điều lệ. Được sử dụng nguồn vốn từ lợi nhuận 9 tháng năm 2015, lãi lũy kế năm trước chuyển sang, thặng dư cổ phần và quỹ đầu tư phát triển đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông. Và thông qua phương án không chia cổ tức năm 2014, số cổ tức đã công bố sẽ được chuyển về lợi nhuận chưa phân phối.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập biểu



Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016